

NGUYỄN DŨ, TRONG TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI PHÊ BÌNH

Lê Văn Tấn*

TÓM TẮT

19 lời bình ngắn gọn, súc tích được đặt ở cuối các thiên trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm một cách thấu đáo. Bài viết của chúng tôi tập trung tìm hiểu toàn bộ các lời bình này với 3 nội dung chính như trong bài viết đã đề cập. Qua đây, chúng ta có cơ hội hiểu thêm về sự mâu thuẫn cũng như sự thống nhất trong tư tưởng của nhà văn.

ABSTRACT

Nguyen Du, playing the role of a literary critic

Nineteen brief and succinct comments located at the end of the chapters in *Truyen ky man luc* by Nguyen Du haven't been studied by researchers thoroughly. In this article, the author focuses on analyzing all of these comments based on three main contents mentioned in the paper. Hereby, we have an opportunity to understand more about the unification and contradiction in Nguyen Du's thinking.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta biết tới danh nho Nguyễn Dữ với tư cách một nhà nho ẩn dật gần như suốt cả cuộc đời trong thời trung đại với tác phẩm bất hủ *Truyện kỳ mạn lục*. Từ khi tác phẩm ra đời tới nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu bàn về những giá trị nhiều mặt cùng vị trí văn học sử của nó đối với sự phát triển của thể loại truyện ngắn truyền kỳ trung đại. Tên tuổi và tâm lòng của ông cũng từ đây mà được hết sức trân trọng và đề cao. Song có một vấn đề khá đặc biệt và lí thú là: trừ chuyện số 19 (*Cuộc nói chuyện ở Kim Hoa*), 19 thiên còn lại của *Truyện kỳ mạn lục* đều có phần lời bình của tác giả đặt ở cuối. Nội dung này còn chưa được ai bàn bực một cách thấu đáo. Bài viết của chúng tôi đi sâu tìm hiểu toàn bộ phần lời bình này để từ đó xác định Nguyễn Dữ - trong tư cách một người phê bình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Từ việc xác định tác giả của phần lời bình

Thể loại truyện ngắn trung đại Việt Nam, ngoài những thiên trong *Việt điện u linh tập* (Lý Tế Xuyên), *Thiền uyển tập anh ngữ lục* (khuyết danh), *Lĩnh Nam*

* NCS – Trường ĐHSB Hà Nội

chích quái lục (Trần Thế Pháp), *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trừng) đến *Truyện kì tân phá* (Đoàn Thị Điểm), *Tục truyện kì* (Đặng Trần Côn)... không có phần lời bình cuối các thiên truyện, còn lại các tác phẩm khác như *Thánh Tông di thảo* (tương truyền của Lê Thánh Tông), *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ) và *Lan Trì kiến văn lục* (Vũ Trinh) đều có phần lời bình cuối mỗi thiên.

Thực chất việc tác giả truyện ngắn trung đại viết truyện có lời bình là do ảnh hưởng của lối viết sử trung đại. Vì thế, việc các tác giả như Lê Thánh Tông, Nguyễn Dữ và Vũ Trinh viết truyện có thêm phần lời bình là một việc làm hết sức bình thường chứ không nên cho rằng lời bình là do người đời sau chấp vào. Vì nếu hiểu là lời bình do người đời sau chấp vào thì sẽ không thể lí giải được tại sao *Lan Trì kiến văn lục*, một tác phẩm xuất hiện khá muộn (thế kỉ XVIII - XIX) vẫn có lời bình. [8], [9].

Vì vậy, chúng tôi suy nghĩ rằng, việc xác định toàn bộ phần lời bình có phải là của Nguyễn Dữ hay không có một ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, nếu như phần lời bình đó chỉ có một phần là của Nguyễn Dữ, phần còn lại là của một người nào đó đồng quan điểm với tác giả viết thêm vào sau khi tác phẩm ra đời như trong cách suy luận của một số nhà nghiên cứu thì sẽ nảy sinh vấn đề tiếp theo: lời bình nào là của Nguyễn Dữ, lời bình nào là của người khác viết sau? Quan điểm của Nguyễn Dữ là gì, trong tác phẩm hay ở phần lời bình? Đây quả là những câu hỏi không dễ đi tìm lời giải đáp vì chúng ta hiện thời chưa có được đầy đủ tư liệu xác tín.

Bùi Duy Tân cho rằng, phần lời bình là một phần của Nguyễn Dữ và một phần của người khác viết thêm vào: “*Trừ truyện số 19 (Cuộc nói chuyện ở Kim Hoa) các truyện còn lại đều có lời bình của tác giả ở cuối mỗi truyện... Hoặc lời bình đó là của một người cùng quan điểm với tác giả.*” [1, 374]

Trong khi đó, Trần Thị Băng Thanh không nói rõ vấn đề này nhưng hình như nghiêng về quan điểm cho rằng, 19 lời bình là đều do Nguyễn Dữ viết ra: “*Truyện được viết bằng văn xuôi Hán có xen những bài thơ, ca, từ, biền văn, cuối mỗi truyện (trừ truyện 19 - Kim Hoa thi thoại kí) đều có lời bình thể hiện rõ chính kiến của tác giả*” [2, 202]. Lại Văn Hùng thì mặc nhiên coi phần lời bình là của Nguyễn Dữ mà không có sự giải thích thêm nào: “*Nhất là ở các lời bình cuối truyện, nơi người ta lại thấy rõ sự phân thân của nhà văn*” [4, 60].

Thật ra, các nhà nghiên cứu đều coi phần lời bình này như một vấn đề đương nhiên nên không đặt trọng tâm sự chú ý của mình vào đó mà tập trung bàn tới vấn đề chính của bài viết là về nội dung tư tưởng và nghệ thuật của *Truyện kì mạn lục*.

Như vậy, một câu trả lời đích xác về vấn đề này là khó có thể. Vì thế, chúng tôi tạm thời nghiêng về cách quan niệm 19 lời bình là của chính Nguyễn Dữ viết ra để đi tới những kết luận tiếp theo.

2.2. Đến việc xác định vị trí của phần lời bình

19 lời bình được viết rất ngắn gọn, khoảng từ 100 đến 150 chữ. Nội dung cô đọng và súc tích. Chúng được đặt ở cuối các thiên trong tác phẩm. Các nhà tuyển dịch và xuất bản sau này phân biệt phần lời bình với câu chuyện trước nó bằng cách in nghiêng và với cỡ chữ nhỏ hơn. Các tác giả sách giáo khoa lớp 9 và lớp 10 sử dụng bản dịch của Ngô Văn Triện nhưng lại cho phần lời bình là một bộ phận riêng biệt, tách rời khỏi thể giới nghệ thuật của tác phẩm nên đều cắt bỏ phần lời bình đi mặc dù Ngô Văn Triện khi dịch đã giữ lại toàn bộ phần lời bình theo đúng nguyên tác. [3, 40-48; 6, 142-147]

Thiết nghĩ, nếu cắt bỏ phần lời bình đi thì rõ ràng là các nhà nghiên cứu đã quan niệm phần lời bình không phải là một bộ phận hữu cơ của các thiên truyện; còn giữ phần lời bình lại ít nhiều cho thấy quan niệm của người dịch: lời bình là một bộ phận đi liền và không thể thiếu của các thiên trong tác phẩm.

Chúng tôi quan niệm, 19 lời bình là một bộ phận hữu cơ của các thiên truyện bởi một số lí do sau đây:

Thứ nhất, lời bình là do Nguyễn Dữ viết ra, chỉ có ý nghĩa khi nó được đặt ở cuối các thiên truyện.

Thứ hai, tác phẩm văn học là một hệ thống chỉnh thể. Trong đó, các thành tố bộ phận có tính độc lập tương đối và tham gia cấu tạo tác phẩm. Các thành tố bộ phận này có quan hệ hữu cơ với nhau, nó chỉ có ý nghĩa trọn vẹn khi tham gia vào chỉnh thể, tạo nghĩa cho chỉnh thể. Và chính ý nghĩa của chỉnh thể quy định ý nghĩa của các thành tố bộ phận. Với lí do đó, bản thân lời bình vẫn có thể có ý nghĩa nhất định nào đó, song rõ ràng là nó luôn bị lệ thuộc và chịu sự chi phối của toàn bộ thể giới nghệ thuật của thiên truyện (tác phẩm) đó. Ở đây chúng ta cần có cái nhìn lịch sử cụ thể đối với các hiện tượng văn học.

Thứ ba, có sự tương đồng và dị biệt trong quan điểm của Nguyễn Dữ giữa phần tác phẩm và phần lời bình. Ở đây, sẽ quy định nên hai tư cách của Nguyễn Dữ: người sáng tác và người đọc, thưởng thức, phê bình.

2.3. Về giá trị nhiều mặt của phần lời bình

Lời bình - thành phần trữ tình ngoại đề vốn có một giá trị rất đặc biệt để cho tác giả tạt ngang cảm xúc - trực tiếp thể hiện tình cảm, thái độ của mình về các vấn đề nội dung - tư tưởng đã được xây dựng trong tác phẩm. Một đặc điểm dễ nhận ra là lời bình của Nguyễn Dữ tập trung bàn về nội dung ý nghĩa của tác phẩm; rất ít bàn về nghệ thuật. Một số lời bình khá dễ hiểu; song có một số lời bình lại rất khó hiểu. Có lời bình trực tiếp; có lời bình gián tiếp - trên cơ sở liên tưởng đến một nhân vật khác ngoài thế giới nghệ thuật của thiên truyện có cùng đặc điểm về mặt phẩm chất đạo đức, nhân cách nào đó...

Truyện kì mạn lục được viết ra với mục đích “khuyến thiện trừ ác”, bàn về vấn đề nhân cách, đạo đức của con người trong xã hội đương thời. Vì lẽ đó, truyện số 19 - *Kim Hoa thi thoại* kì hầu như không đề cập tới vấn đề đạo đức nên dễ hiểu là thiên này không có phần lời bình.

Còn lại, 19 lời bình tập trung bàn về giá trị nhân cách - phẩm chất của các nhân vật. Từ đó, Nguyễn Dữ muốn đề cao những giá trị đạo đức, nêu cao chủ nghĩa nhân đạo - một trong những khuynh hướng tư tưởng của *Truyện kì mạn lục*. Điều này, xét đến cùng là phù hợp với quan điểm của tác giả về các vấn đề được trình bày trong tác phẩm. Nguyễn Dữ trong tư cách một nho gia, hấp thụ khoa cử Nho học với việc đề cao đạo đức của con người, cho nên đáng nam nhi ở đời thì phải học hành và thi thố để có thể mang tài năng, sức lực phục vụ triều đại phong kiến, phục vụ nhân dân; phụ nữ thì phải tuân thủ lễ giáo đạo đức phong kiến, công dung ngôn hạnh... Vượt ra ngoài những khuôn phép đó thì họ sẽ bị lên án, phê phán. Thái độ của nhà nho Nguyễn Dữ trong lời bình cũng theo chiều hướng như vậy. Hãy xem lời bình của Nguyễn Dữ trong *Câu chuyện ở đền Hạng Vương*:

“Than ôi, so Sở với Hán thì Hán hơn, sánh Hán với bậc vương đạo, Hán còn xa lắm. Sao vậy? Hồng Môn nổi dậy, Thái công tha về, những việc ấy, Sở không phải là bất nhân; nhưng nhân nông mà ác sâu. Làm cỏ Đinh Xuyên, giết hại công thần, những việc ấy, Hán không phải là không có lỗi, nhưng lỗi ít, tốt

nhiều. Sở dĩ đành là trái với nhân nghĩa, nhưng Hán cùng chỉ là giống với nhân nghĩa. Họ Hạng nước Sở không được là hạng bá giả mà vua Cao nhà Hán cũng là tẹp nhẹp. Kẻ trị thiên hạ nên tiến lên đến đạo thuần vương, còn Hán Sở nhân với bất nhân, hãy gác ra không cần bàn đến.” [2, 212]

Hay trong *Chuyện nghĩa phụ ở Khoái Châu*:

“Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính nghĩa chứ không theo tà dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà để cho phải hàm oan. Trọng Quý thật là tuồng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất”.

Còn đây là lời phê phán của Nguyễn Dữ đối với Hà Nhân: vì tham sắc dục mà bỏ quên việc học hành khoa cử:

“Than ôi, thanh lòng không bằng ít dục, dục nếu yên lặng thì lòng trống rỗng mà điều thiện sẽ vào, khí bằng phẳng mà cái lý sẽ thắng, tà quỷ còn đến quấy nhiễu làm sao được. Chàng họ Hà lòng trẻ có nhiều vật dục, cho nên loài kia mới thừa cơ quyến rũ. Nếu không thì những giống nguyệt quái hoa yêu, mê hoặc sao được mà chẳng phải thu mình nép bóng ở trước Luong công là một bậc chính nhân. Kẻ sĩ gánh cặp đến học ở Trảng An, tưởng nên chăm chỉ về học nghiệp, tuy không dám mong đến được chỗ vô dục nhưng giá gắng tiến đến chỗ quả dục thì tốt lắm!”.

Trong tư cách một người phê bình đặc biệt, đứng ngoài thế giới hình tượng của tác phẩm (song bản thân lại hiểu sâu sắc thế giới đó!), Nguyễn Dữ viết lời bình để đề cao cái nhân nghĩa, cái lễ giáo ở đời mà con người ta phải theo. Lời bình tạo ra thêm một bước để cụ thể cho quan điểm, thái độ của người viết, giúp định hướng cảm thụ cho người đọc. Lời bình theo đó cũng là sự cụ thể hơn nội dung, tâm sự, tư tưởng thực mà các thiên truyện chưa thể hiện rõ; hoặc cũng có khi lời bình lại đẩy xa hơn cái hệ quả mà nhân vật đáng được hưởng hoặc đáng phải nhận, bị phạt.

Nhưng một vấn đề cần bàn tiếp là: Nguyễn Dữ trong tư cách nhà văn, người xây dựng thế giới hình tượng, thế giới nghệ thuật của tác phẩm so với Nguyễn

Dữ trong tư cách một người phê bình có tương đồng và dị biệt như thế nào “*Nhất là ở các lời bình cuối truyện, nơi người ta lại thấy rõ sự phân thân của nhà văn. Nhiều khi truyện và lời bình không khớp nhau*” [4, 60].

Chúng tôi nhận thấy, 13 lời bình của 13 thiên truyện, gồm các thiên 1, 2, 4, 6, 8, 9, 10, 11, 13, 15, 17, 20 về cơ bản là có sự thống nhất tương đối với nội dung tư tưởng tác phẩm. Tức là, nếu cảm hứng của tác phẩm là phê phán thì lời bình cũng là sự phê phán; cảm hứng của tác phẩm là ngợi ca thì lời bình cũng sẽ là ngợi ca. Ví như trong *Chuyện đối tụng ở Long cung*: truyện phê phán những việc làm xấu xa, bi ôi của thần Thuồng luồng và ca ngợi phẩm chất cứng cỏi của vợ chồng Dương thị thì ở phần lời bình, Nguyễn Dữ tiếp tục nhấn mạnh hai điểm này:

“Than ôi, chống được ách lớn thì thờ, cản được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng tế. Hưởng sự cúng tế ấy thì phải “có danh tư nghĩa”, đâu có nể nhận sự thờ cúng lại còn đi làm tai làm hại cho người. Thế thì cái tội của vị thần Thuồng luồng chỉ phải bị tù đầy thôi sao!

Quảng Lợi vương dụng hình như thế, thật là chưa đáng. Tất phải làm như Hứa Tôn, Thứ Phi mới là cái việc thú vị được. Cho nên Địch Nhân Kiệt khi làm tuần phủ Hà Nam tâu xin phá huỷ đến một nghìn bảy trăm toà đền thờ không xứng đáng, thật là phải lắm!”.

Còn trong *Chuyện Chúc Phán sự đền Tân Viên*, Nguyễn Dữ ca ngợi phẩm chất đẹp đẽ, táo bạo cứng cỏi của kẻ sĩ ở đời là Ngô Tử Văn. Sau hành động đốt bỏ đền để trừ yêu quái cho dân lành, Ngô Tử Văn đã gặp phải một số khó khăn thử thách nhưng cuối cùng Ngô Tử Văn vẫn đắc đạo, được người đời thờ tụng: “*Người ấy ngẩng đầu trông về phía trước, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ ngồi trên xe chấp tay thì lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cười gió mà biến đi mất”.*

Và đây là lời bình của truyện này: “*Than ôi! Người ta vẫn nói “cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo cứng cỏi không được, còn gãy hay không là việc trời. Sao nên đoán trước là sẽ gãy mà đổi cứng ra mềm ru!*

Ngô Tử Văn là một chàng áo vải. Vì cứng cỏi cho nên dám đốt cháy đền tà, chống cãi yêu quỷ, một lần ra tay mà mối hận của cả thần và người đều được

rĩa. Nhân thế mức tiếng mà được giữ chức vị ở Minh tào, thật là xứng đáng. Vậy là kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi”.

6 lời bình của 6 thiên còn lại, gồm thiên số 3, 5, 7, 12, 14 và 18 thì chúng tôi nhận thấy, quan điểm của Nguyễn Dữ là không có sự thống nhất giữa thế giới nghệ thuật trong tác phẩm và phần lời bình. Nghĩa là có sự khác biệt và mâu thuẫn giữa con người Nguyễn Dữ trong tác phẩm và con người Nguyễn Dữ trong phần lời bình. Tác phẩm ca ngợi một vấn đề nào đó thì lời bình có thể lại là phê phán, hoặc bày tỏ một thái độ khác; ngược lại, tác phẩm phê phán một vấn đề nào đó thì lời bình có thể lại ngợi ca hoặc định hướng cho người đọc cảm thụ hình tượng theo một hướng khác.

Lời bình thiên số 3 (*Chuyện cây gạo*) phê phán chuyện ma quỷ và lên án Trình Trung Ngô vì mê sắc dục mà bỏ bê công việc. Còn trong tác phẩm, Nguyễn Dữ, qua lời văn mô tả của mình đã gián tiếp bộc lộ một thái độ đồng tình với mối tình giữa người dương và người âm là Trình Trung Ngô và Nhị Khanh. Mô tả cuộc tình đầy vẻ quái gở giữa hai nhân vật này là một giọng văn khá lãng mạn và bay bổng. Nguyễn Dữ gián tiếp đả phá lễ giáo phong kiến gò bó con người vào những quy phạm đạo đức, nhiều khi phi lí, phi nhân văn, từ đó tác giả đề cao lý tưởng ái tỵ do của con người. Đặt trong hoàn cảnh lịch sử xã hội lúc đó, đây là một bước tiến rất xa về mặt tư tưởng của Nguyễn Dữ.

Hãy xem lời giải bày của nàng Nhị Khanh: “*Thân tàn một mảnh, cách với chết cũng chẳng bao xa. Ngày tháng quạnh hiu, không người săn sóc. Nay dám mong quân tử quạt hơi dương vào hang tối, thả khí nóng tới mầm khô, khiến cho tia rụng hồng rơi, được trộm bén xuân quang đôi chút, đời sống của thiếp như thế sẽ không phải phàn nàn gì nữa.*

Bền cùng nhau ân ái hết sức thoả mãn...”.

Lời văn như thế này thì không thể nói người viết ra nó lại có thể dừng dưng được. Trong khi đó, lời bình thì Nguyễn Dữ lại rất thận trọng, ngầm ra thì đó hẳn là sự phê phán, ít nhất là nêu gương cho người sau vậy:

“*Than ôi cái giống ma quỷ, tuy từ xưa không phải cái nạn đáng lo cho người thiên hạ, nhưng kẻ thất phu đa dục thì thường khi mắc phải. Trung Ngô là một gã lái buôn không có trí thức, không đủ trách vậy. Vị đạo nhân kia vì người trừ hại, công đức lớn lao; nhà bình luận công bằng sau này phải nên biết đến.*

Không nên lấy có huyền thuật mà cho là chuyện nhảm, bảo rằng dị đoan mà dìm mát cái hay, ngô hầu mới hợp cái ý nghĩa người quân tử trung hậu với người khác”.

Tương tự như vậy, lời bình số 5 (*Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây*) phê phán thư sinh họ Hà, vì mê sắc dục mà bỏ bê học hành, đèn sách, để cho yêu ma quyến rũ; trong khi đó cuộc tình kỳ ngộ giữa Hà Nhân và 2 nàng Nhu Nương và Hồng Nương lại được Nguyễn Dữ mô tả rất bay bổng và sáng khoái, gián tiếp thể hiện sự đồng tình của người viết vậy:

*“Cung sâu thua điểm giọt rông,
Ngọn đèn soi tỏ trướng hồng lung linh.
Tài lang mặc sức vin cành,
Đào non nhận lấy những nhành thắm tươi”.*

Lời bình số 7 (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*), số 14 (*Chuyện nàng Túy Tiêu*) và 18 (*Chuyện Lệ Nương*) cũng có sự mâu thuẫn tương tự giữa quan điểm, thái độ của người đọc - phê bình Nguyễn Dữ với quan điểm, thái độ của nhà văn Nguyễn Dữ.

Chúng tôi đặc biệt chú ý tới thiên số 12 (*Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na*). Đây là thiên truyện tiêu biểu nhất thể hiện quan điểm chính trị của Nguyễn Dữ về thời cuộc, về nhân tình thế thái và đặc biệt là thể hiện rất rõ tư tưởng và lối sống ẩn dật của nhà nho Nguyễn Dữ. Câu chuyện được xây dựng trên cơ sở cuộc đối đáp của nhân vật người tiều phu ở núi Na và Trương công, cùng hai bài ca *Thích ngủ*, *Thích cò* của người tiều phu. Qua đó, ta thấy được rõ thái độ bất hợp tác của Nguyễn Dữ với triều đại phong kiến đương thời bởi trong quan niệm của Nguyễn Dữ, nhà Hồ (trong tác phẩm) và nhà Mạc (đương thời) không phải là nơi cho Nguyễn Dữ thực hiện những ước mơ và hoài bão về triều chính, xã tắc. Vừa như một sự tiên đoán, dự cảm, lại bị chi phối ít nhiều bởi tâm trạng hoài Lê, cũng như thể tạng, căn cốt con người mình, Nguyễn Dữ đã trở về sống nhàn dật suốt cuộc đời của mình ở vùng rừng núi Thanh Hoá (thuộc địa phận xã Nga Thiện - huyện Nga Sơn). Ông về ở ẩn với một thái độ an nhiên, bình thản, trung dung, tự tại, yên tĩnh và yên tâm với chôn lâm tuyền. Ẩn dật với ông đã trở thành một lẽ sống, một cách thế sống và Nguyễn Dữ tìm thấy được đích thực con người mình khi về dưỡng hoi. Thiên số 12 là sự ngợi ca cuộc sống nhàn dật đó:

“Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông lão già lánh bụi, gửi tính mệnh ở lầu tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió riu trắng; ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng ta là hươu nai tôm cá, quán bên ta là tuyết gió trắng hoa; chỉ biết đông kếp mà hè đơn, nằm mây ngủ khói; múc khe mà uống, bới núi mà ăn; chứ có biết gì đâu ở ngoài là triều đại nào, vua quan nào?”.

Thế giới tác phẩm là như vậy, nhưng ở phần lời bình, Nguyễn Dữ lại hết sức cân nhắc, vừa như một sự khiêm nhường, vừa như một lời thanh minh, biện hộ, vừa như một ao ước: lẽ ra không phải là con đường ấy chẳng (con đường trở về ẩn dật)? Người tiều phu đã đắc đạo ở phía trên, tới đây được Nguyễn Dữ nhìn nhận rất thận trọng và chưa hẳn đã là sự đề cao. Thậm chí vấn đề của người tiều phu trong tác phẩm đã bị nhòa đi khi trọng tâm của lời bình lại hướng về chính sự với mong muốn nó sẽ tốt đẹp hơn hiện thời:

“Than ôi! Có cái thần để biết việc sau, có cái trí để giấu việc trước, đó là việc của thánh nhân; tiều phu tuy là bậc hiền nhưng đâu đã được dự đến hạng ấy. Tuy nói việc táng bại của nhà Hồ, đúng như là bói cỏ, bói rùa, nhưng chẳng qua là nghiệm với lẽ trời, chứng với lòng người, nói nhiều may ra thì tin, đó là cái lẽ đời như vậy. Kẻ làm vua chúa nên lấy sự chính lòng mình để làm cái gốc chính triều đình, chính trăm quan, chính muôn dân, đừng để cho kẻ xử sĩ phải bàn ra nói vào là tốt hơn cả”.

Trở lên, chúng tôi có thể đi tìm một câu trả lời: tại sao có sự không nhất quán, thiếu thống nhất giữa con người Nguyễn Dữ trong thế giới nghệ thuật, thế giới hình tượng với con người Nguyễn Dữ trong phần lời bình (phần thống nhất chúng tôi không bàn thêm nữa).

Nguyễn Dữ là sản phẩm của Nho học, của khoa cử chữ Hán, con đường nhập cuộc của ông đi theo một lối mòn: *học - thi (đỗ đạt) - làm quan - phục vụ triều chính, xã tắc, nhân dân*. Thực tế một năm làm quan cho thấy Nguyễn Dữ đã từng ôm ấp lý tưởng và hoài bão “trí quân trạch dân” của một trí thức bậc cao và giàu tâm huyết thời trung đại. Song do hoàn cảnh lịch sử xã hội đầy những biến động của thế kỉ XVI, cộng với hoàn cảnh cá nhân mà Nguyễn Dữ đã chọn lối sống ẩn dật đến suốt đời. Tất cả những điều này đã được Nguyễn Dữ kí thác khá trọn vẹn trong *Truyện kì mạn lục*. Đây là một tác phẩm có ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Phật giáo, Lão - Trang với việc nói nhiều tới thiên nhiên, đề cao giá trị

nhân văn của con người. Đứng trên lập trường Nho giáo, Nguyễn Dữ đề cao những con người nghĩa khí, đạo cao đức trọng; ca ngợi những người phụ nữ chính chuyên, tiết hạnh; phê phán bọn cường quyền, những tham quan lại những ức hiếp dân lành; ngợi ca chí khí và phẩm tiết nhà nho và lễ sống tự tại, an nhiên của người ẩn dật. Mượn yếu tố kì và ảo, chọn thể đứng và điểm nhìn độc đáo và an toàn (thể đứng của một người ẩn dật và từ không gian nghệ thuật là núi rừng Thanh Hoá) mà Nguyễn Dữ gián tiếp ca ngợi tự do luyện ái nam nữ, thể hiện một thái độ đồng tình với những nhu cầu hết sức bản thể và tự nhiên tốt đẹp của con người. Đó chính là nội dung tư tưởng chủ đạo của các thiên trong toàn bộ *Truyện kì mạn lục*. Thời đại Nguyễn Dữ là thời đại còn chưa cởi mở nên chính bản thân Nguyễn Dữ vẫn đang bị gò bó trong những quan niệm lễ giáo, đạo đức phong kiến khá ngặt nghèo. Vì thế, khi thoát khỏi thế giới nghệ thuật đó để đứng ở vị trí một người bình luận, với sự níu kéo của lễ giáo phong kiến mà chắc chắn Nguyễn Dữ không thể vượt ra ngoài được, ông lại trở về vị trí một nhà nho thuần tuý (lời bình số 3, 5, 7, 14, 18). Từ đó, thái độ không đồng tình, lên án nhân vật (mà vừa trước đó ông ca ngợi) là một điều dễ hiểu. Điều này cho thấy sự mâu thuẫn và cũng chính là sự thống nhất trong tư tưởng và tâm hồn Nguyễn Dữ: một bên là cuộc sống đích thực, tự do của con người; bên kia là những ràng buộc lễ giáo mà con người ta phải tuân thủ. Sự rạn nứt và đổ vỡ của tư tưởng Nho giáo khi Nguyễn Dữ xây dựng hình tượng nhân vật và sự trở về của nó trong quan niệm, tư tưởng của ông ở lời bình bộc lộ một sự dửng dăng và day dứt của nhà nho Nguyễn Dữ trước những biến động chóng mặt của xã hội Việt Nam thế kỉ XVI. Rõ là cuộc sống nhàn dật của Nguyễn Dữ ở núi rừng Thanh Hoá đã không thủ tiêu đi hoài bão lớn lao của ông về thế sự, có khác là điều đó được bộc lộ ra hay không. Và nếu có bộc lộ thì mức độ của nó như thế nào mà thôi. Và chính sự dửng dăng day dứt này làm nên sự lớn lao của nhân cách Nguyễn Dữ trong thời trung đại. Qua việc thể hiện quan điểm của mình ở phần lời bình, chúng ta ghi nhận và trân trọng ở đó một con người luôn luôn quan tâm tới thế tục và một khát vọng cải hoá hiện thực, dù điều đó là không tưởng. So sánh điểm này với các nhân cách tương đồng nhất về mặt loại hình tác giả như Nguyễn Húc (thế kỉ XV), Nguyễn Hãng (thế kỉ XVI) và Nguyễn Huy Vinh (thế kỉ XVIII- XIX), ta sẽ thấy được sự vượt trội của Nguyễn Dữ về mặt tư tưởng được kí thác qua thế giới nghệ thuật tác phẩm và qua phần lời bình.

3. Kết luận

Như vậy, 19 lời bình có một vị trí và giá trị đặc biệt trong *Truyện kì mạn lục*. Chúng tôi coi đó vừa là một chỉnh thể độc lập tương đối, vừa là một bộ phận hữu cơ, gắn liền với thể giới nghệ thuật tác phẩm mà *không thể lược bớt hay cắt xén nó đi được*. Qua 19 lời bình, chúng ta hiểu hơn về nội dung tư tưởng chủ đạo của các thiên trong tác phẩm, hiểu thêm về con người, quan điểm, tư tưởng của Nguyễn Dữ mà ông chưa kí thác hết trong phần thể giới hình tượng tác phẩm. Văn bình luận của Nguyễn Dữ ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh, khá lôi cuốn bởi giọng điệu độc đáo, đan xen giọng điệu chủ quan và khách quan một cách hợp lí. Điều đó khiến cho lời bình của Nguyễn Dữ sẽ được tán thưởng với những người đồng quan điểm với ông; còn với những người bất đồng quan điểm cũng không vì thế mà phản đối. Lời bình có tính chất bỏ ngỏ để cho người đến sau tiếp tục chiêm nghiệm, đánh giá thêm. Đó chính là giá trị độc đáo của 19 lời bình của Nguyễn Dữ trong *Truyện kì mạn lục* và từ đây xác định nên một tư cách khác của nhà văn: tư cách của một người phê bình văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Duy Tân (1999), “Truyện kì mạn lục” - một thành tựu của truyện kí văn học viết bằng chữ Hán”, *Khảo và luận một số tác gia tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 372 - 408.
- [2] Cù Hựu, Nguyễn Dữ (1999), *Tiến đặng tân thoại - Truyện kì mạn lục*, Trúc Khê Ngô Văn Triện và Trần Thị Băng Thanh biên dịch, giới thiệu và chỉnh lí, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Đỗ Quang Lưu, Nguyễn Lộc, Nguyễn Sĩ Cận (biên soạn) (1999), *Văn học 9*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 40 - 48.
- [4] Lại Văn Hùng (2002), “Bàn thêm về vấn đề tác giả tác phẩm Truyện kì mạn lục”, *Tạp chí Văn học*, số 10, tr.49 - 60.
- [5] Nguyễn Đăng Na (2000), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 1 - truyện ngắn*, tái bản lần 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 211 - 295.
- [6] Nguyễn Đình Chú, Nguyễn Lộc (2002), *Văn học 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 142 - 147.

- [7] Nguyễn Phạm Hùng (2003), *Tìm hiểu khuynh hướng sáng tác trong “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ*, Văn học trung đại - những công trình nghiên cứu, tái bản lần 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 112 - 123.
- [8] Vũ Thanh (1994), “Những biến đổi của yếu tố “kỳ” và “thực” trong truyện ngắn truyền kì Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 6, tr. 25-30.
- [9] Vũ Thanh (2007), *Thể loại truyện ngắn kỳ ảo Việt Nam trung đại: quá trình nảy sinh và phát triển đến đỉnh điểm, Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX - những vấn đề lí luận và lịch sử*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Trần Nho Thìn (2006),. “Thi pháp truyện ngắn trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 9, tr. 65 - 82; số 10, tr. 164 - 184.